TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST–KDTM.	*Lào Cai, ngày 17 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2023/TLST- KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số nhà 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Doãn Thế C - Chức danh: Giám đốc, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh C, tỉnh L (Theo văn bản ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Người được uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị Phương T - Chức danh: Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh C, tỉnh L (Theo văn bản ủy quyền số: 20/NHNo-CL ngày 22/02/2023).

Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch N.

Địa chỉ: Số nhà 268, đường M, phường L, thành phố L, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Thanh T - Chức danh: Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền dư nợ tính đến ngày 09/5/2023 theo các Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD (LAV-201100076) ngày 21/01/2011; Hợp đồng tín dụng số 8811LAV201200526 ngày 06/7/2012; Hợp đồng tín dụng số 8811LAV201400582 ngày 23/6/2014, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 09-2014/PLHĐ ngày 25/9/2014; Hợp đồng tín dụng số 8811LAV201500119 ngày 05/02/2015, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01-

2015/PLHĐ ngày 27/7/2015, là: 47.583.657.042VNĐ (*Bốn mươi bảy tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi bẩy nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng)*. Trong đó, khoản tiền dư nợ gốc là: 37.772.544.634VNĐ (*Ba mươi bảy tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi bốn đồng*). Khoản tiền lãi suất trong hạn là: 9.811.112.408VNĐ (*Chín tỷ, tám trăm mười một triệu, một trăm mười hai nghìn, bốn trăm linh tám đồng).*

Trường hợp Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch N không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền dự nợ gốc và khoản tiền lãi suất theo các hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý thi hành án, tiến hành kê biên phát mại tài sản của Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch N đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản gồm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 15/2011 ngày 21/03/2011, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01-2016/PLHĐ ngày 21/03/20 16, phụ lục hợp đồng thể chấp quyền sử dụng đất số: 02/2017/PLHĐ ngày 05/01/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 16/2011 ngày 02/08/2011 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01-2015/PLHĐ ngày 28/01/2015, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tải sản gắn liền với đất số: 02/PLHĐ ngày 09/05/2016, phụ lục thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2017/PLHĐ ngày 05/01/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 17/HĐTC ngày 02/12/2011, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 03/2017/PLHĐ ngày 05/01/2017. Hợp đồng thế chấp tài sản trong tương lai số 07/TLNM-2012 ngày 06/7/2012, phụ lục hợp đồng số 08-2013/PLHĐ ngày 18/4/2013, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 10-2014/PLHĐ ngày 20/3/2014, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản trong tương lai số 02-2015/PLHĐ ngày 28/01/2015, phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/01/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 501/HĐTC ngày 05/01/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 05-2013/HĐTC ngày 03/05/2013, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số: 05/2017/PLHĐ. Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số: 02-2014/HĐTL ngày 22/09/2014, phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/01/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/HĐTC ngày 03/02/2015, để thực hiện thu hồi khoản tiền dự nợ gốc và lãi suất phát sinh từ các hợp đồng tín dụng mà Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch N đã giao kết với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh C, tỉnh L theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 10/5/2023 cho đến khi Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch N hoàn trả xong khoản tiền dự nợ gốc và lãi suất phát sinh từ các hợp đồng tín dụng. Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận lại, tính theo mức lãi suất 4,86%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch N phải chịu khoản tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 77.791.829VNĐ (*Bẩy mươi bẩy triệu, bẩy trăm chín mươi một nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng*).

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải

chịu khoản tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 83.712.421VNĐ (*Tám mươi ba triệu, bẩy trăm mười hai nghìn, bốn trăm hai mươi một đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000095 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự chi phí khoản tiền chi phí tố tụng, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thành phố Lào Cai (02);
- CCTHADS thành phố Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Ngọc Thanh